Trường Đại học Cần Thơ
Trung tâm Điện tử &Tin học

Kết quả thi lớp DHYDCT4

Hội đồng thi: Trường Đại học Y dược - Ngày: 28/10/2018

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Đ. LT	Đ. TH	Đ. TB	Xếp loại
1	Bùi Ngọc Minh Anh	20-05-2000	An Giang	0.00	0.00	0.00	Kh. đạt
2	Huỳnh Duy Anh	20-03-1999	Kiên Giang	8.00	8.00	8.00	Giỏi
3	Lê Nhựt Anh	05-11-1998	Bến Tre	6.50	5.00	5.75	T.Bình
4	Lương Thoại Anh	27-04-1999	An Giang	9.00	10.00	9.50	Giỏi
5	Nguyễn Thị Lan Anh	29-03-1995	Đồng Nai	8.50	9.50	9.00	Giỏi
6	Mạch Khiết Châu	25-07-1996	Cần Thơ	8.00	7.50	7.75	Khá
7	Trần Quyên Chi	23-12-1997	Vĩnh Long	8.00	8.50	8.25	Giỏi
8	Châu Hoàng Chung	10-07-1998	Sóc Trăng	8.00	8.00	8.00	Giỏi
9	Nguyễn Văn Dương	12-04-1995	Trà Vinh	6.00	6.50	6.25	T.Bình
10	Nguyễn Bình Đẳng	18-11-1994	Cần Thơ	7.50	8.50	8.00	Giỏi
11	Nguyễn Thị Giang	05-09-1999	Đồng Tháp	7.50	8.00	7.75	Khá
12	Võ Thị Ngọc Giàu	25-11-1995	An Giang	7.00	5.50	6.25	T.Bình
13	Nguyễn Ngọc Gia Hân	16-10-1997	Vũng Tàu	7.00	7.50	7.25	Khá
14	Nguyễn Linh Hoàng	01-01-2000	Đồng Nai	7.00	8.00	7.50	Khá
15	Võ Văn Kha	15-09-1994	Trà Vinh	6.50	6.00	6.25	T.Bình
16	Nguyễn Minh Khánh	30-08-1999	Bến Tre	8.00	9.00	8.50	Giỏi
17	Đỗ Huỳnh Công Khải	01-01-1996	Vĩnh Long	7.00	9.50	8.25	Giỏi
18	Đặng Bách Khôi	25-04-1997	Ninh Thuận	7.50	8.00	7.75	Khá
19	Nguyễn Thị Kim Ngọc	01-03-1995	Đồng Tháp	9.00	9.50	9.25	Giỏi
20	Dương Cẩm Linh	25-11-1996	Sóc Trăng	6.50	8.00	7.25	Khá
21	Võ Phạm Thùy Linh	08-09-1995	Trà Vinh	6.00	8.50	7.25	Khá
22	Huỳnh Phú Lộc	11-09-1995	Bình Dương	8.50	8.00	8.25	Giỏi
23	Nguyễn Thị Yến Lộc	19-10-1996	Bình Phước	9.00	9.50	9.25	Giỏi
24	Đỗ Ngọc Thảo Ly	07-09-1995	Trà Vinh	8.00	9.00	8.50	Giỏi
25	Nguyễn Thị Mãi	09-10-1997	Kiên Giang	9.00	6.50	7.75	Khá
26	Phạm Xuân Mai	03-02-1986	Đồng Nai	8.50	9.00	8.75	Giỏi
27	Huỳnh Ngọc Hoàn Mỹ	05-11-1996	An Giang	9.50	8.50	9.00	Giỏi
28	Nguyễn Nhật Nam	05-10-1995	Kiên Giang	7.00	9.00	8.00	Giỏi
29	Trần Hoàng Nam	19-10-1995	Tây Ninh	6.00	8.00	7.00	Khá
30	Võ Văn Năm	20-04-1995	Quảng Ngãi	7.50	6.50	7.00	Khá
31	Phạm Thị Hằng Nga	19-07-1996	Ninh Bình	8.00	9.50	8.75	Giỏi
32	Lê Thị Tuyết Ngân	11-02-1995	An Giang	6.50	4.00	5.25	Kh. đạt
33	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	01-01-1983	Cần Thơ	6.50	2.50	4.50	Kh. đạt
34	Trần Thị Mỹ Ngọc	11-09-1996	Đồng Tháp	8.00	8.50	8.25	Giỏi
35	Dương Văn Nguyên	01-04-1996	Kiên Giang	7.50	5.50	6.50	T.Bình
36	Trần Thị Mỹ Nguyên	07-11-1998	Sóc Trăng	7.00	6.00	6.50	T.Bình
37	Nguyễn Đại Phát Nhật	24-03-1999	Kiên Giang	6.50	9.00	7.75	Khá
38	Lê Quỳnh Nhi	20-01-1997	Đồng Tháp	7.50	7.00	7.25	Khá
39	Lê Thị Bảo Nhi	12-06-1995	Bến Tre	8.00	6.50	7.25	Khá
40	Nguyễn Thị Yến Nhi	04-12-1999	Tiền Giang	7.00	6.50	6.75	T.Bình

Trường Đại học Cần Thơ
Trung tâm Điện tử &Tin học

Kết quả thi lớp DHYDCT4

Hội đồng thi: Trường Đại học Y dược - Ngày: 28/10/2018

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Đ. LT	Đ. TH	Đ. TB	Xếp loại
41	Triệu Kim Phát	06-12-1996	Sóc Trăng	8.00	9.00	8.50	Giỏi
42	Trần Thanh Phong	15-01-1976	Cần Thơ	6.00	5.50	5.75	T.Bình
43	Phùng Quyên Phương	23-02-1996	An Giang	8.50	8.50	8.50	Giỏi
44	Lê Hoàng Anh Quân	15-07-1995	Bến Tre	9.00	9.00	9.00	Giỏi
45	Võ Thị Ánh Sáng	06-11-1995	Sóc Trăng	8.50	7.00	7.75	Khá
46	Bùi Duy Tâm	10-05-1993	Bạc Liêu	7.00	7.50	7.25	Khá
47	Lê Thanh Tâm	05-06-1994	Đồng Tháp	8.50	9.00	8.75	Giỏi
48	Nguyễn Thanh Tâm	15-12-1995	Trà Vinh	8.00	7.00	7.50	Khá
49	Nguyễn Thị Minh Tâm	16-11-1999	Tp. Hồ Chí Minh	8.00	8.00	8.00	Giỏi
50	Trần Nguyễn Minh Tâm	04-04-1995	Sóc Trăng	7.50	6.50	7.00	Khá
51	Trần Thanh Tâm	28-08-1995	An Giang	6.50	8.50	7.50	Khá
52	Lê Nhựt Tân	13-07-1996	Cần Thơ	9.50	9.50	9.50	Giỏi
53	Trương Tú Thanh	05-06-1998	Cà Mau	8.50	8.50	8.50	Giỏi
54	Trần Dương Quốc Thái	08-04-1997	Sóc Trăng	8.00	8.00	8.00	Giỏi
55	Nguyễn Thị Hồng Thắm	10-04-1995	Kiên Giang	7.50	4.00	5.75	Kh. đạt
56	Bùi Thanh Thế	10-09-1983	Cần Thơ	6.00	4.00	5.00	Kh. đạt
57	Phạm Nguyễn Phúc Thịnh	18-03-1996	Cần Thơ	9.00	10.00	9.50	Giỏi
58	Quách Phú Thịnh	09-06-1994	Cà Mau	5.00	5.50	5.25	T.Bình
59	Nguyễn Hồng Thúy	21-12-1999	Đồng Tháp	7.00	9.50	8.25	Giỏi
60	Dương Văn Anh Thư	29-05-1998	Cà Mau	9.50	9.50	9.50	Giỏi
61	Nguyễn Thị Thùy Trang	23-12-1998	Bến Tre	8.00	9.50	8.75	Giỏi
62	Nguyễn Ngọc Trăm	09-05-1995	Long An	7.00	5.00	6.00	T.Bình
63	Huỳnh Trân	04-03-1996	Sóc Trăng	8.50	9.50	9.00	Giỏi
64	Trần Quyền Trân	07-02-1994	Cà Mau	6.00	6.00	6.00	T.Bình
65	Nguyễn Ngọc Trinh	03-01-1996	An Giang	9.00	7.50	8.25	Giỏi
66	Trần Ngọc Trinh	12-08-1997	Bạc Liêu	8.50	10.00	9.25	Giỏi
67	Phạm Đức Trí	08-01-1998	Khánh Hòa	6.00	6.50	6.25	T.Bình
68	Huỳnh Thanh Trọng	19-09-1995	Vĩnh Long	7.50	7.50	7.50	Khá
69	Lưu Hải Trung	17-03-1994	Cần Thơ	7.00	8.00	7.50	Khá
70	Mai Ngọc Quốc Trung	12-02-1996	Cần Thơ	8.00	9.50	8.75	Giỏi
71	Hồ Thanh Nhật Trường	23-11-1996	Bến Tre	8.00	9.50	8.75	Giỏi
72	Lê Thị Bích Tuyền	01-11-1996	Đồng Tháp	9.00	8.50	8.75	Giỏi
73	Nguyễn Thanh Tú	04-02-1995	Bình Phước	8.00	10.00	9.00	Giỏi
74	Phạm Thị Út	10-06-1987	Tiền Giang	7.00	6.50	6.75	T.Bình
75	Trần Nữ Tường Vi	23-08-1995	Đồng Nai	6.50	5.50	6.00	T.Bình
76	Trần Thái Vinh	01-01-1996	Đồng Tháp	8.50	9.00	8.75	Giỏi
77	Bùi Thị Xuân Vũ	28-06-1995	An Giang	6.50	7.50	7.00	Khá
78	Nguyễn Nhật Vy	15-08-1996	An Giang	8.50	8.50	8.50	Giỏi
79	Nguyễn Thị Thảo Vy	16-08-1995	Đồng Tháp	6.50	8.00	7.25	Khá
80	Trần Thảo Vy	13-03-1996	Tphcm	9.00	10.00	9.50	Giỏi

Trường Đại học Cần Thơ
Trung tâm Điện tử &Tin học

Kết quả thi lớp DHYDCT4

Hội đồng thi: Trường Đại học Y dược - Ngày: 28/10/2018

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Đ. LT	Đ. TH	Đ. TB	Xếp loại
81	Lê Thị Kim Yến	17-04-1996	An Giang	9.00	8.00	8.50	Giỏi

Tổng số: 81 thí sinh

Đậu: 76

Rớt: 5

Cần Thơ, ngày tháng năm

Chủ tịch

Người lập bảng